

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 30-8-2023

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con, tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Phụng.

2. Bà Trịnh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa
án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở
phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLPT-HNGĐ
ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con, tài sản chung
khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2023/HNGĐ-ST ngày 02-6-
2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2023/QĐ-PT ngày 07
tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lại Thanh D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn
C - Văn phòng luật sư Trần Văn C thuộc Đoàn luật sư tỉnh L.

Địa chỉ: Số H đường L, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Vũ Khắc Đ -
Văn phòng luật sư Vũ Khắc Đ thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số B - B, đường I, khu dân cư T, huyện B, Thành phố Hồ Chí
Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Số F, ấp A, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

2. Ông Lại Thanh B, sinh năm 1977.

3. Bà Đỗ Thị Ngọc B1, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Số A Đường T, khu phố B, Phường G, thành phố T, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Ông Lại Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim D1.

(Ông D, bà D1, Luật sư C, Luật sư Đ có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/01/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/01/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lại Thanh D trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kim D1 đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Long An; chung sống hạnh phúc khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Ông Lại Thanh D cho rằng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim D1.

- Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Kim D1 có hai người con chung có tên là Lại Anh H, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2000, đã trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân và Lại Minh N, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2006, hiện con do ông đang nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi người con chung có tên Lại Minh N, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2006, không yêu cầu bà D1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghề nghiệp hiện nay của ông là viên chức, thu thập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

- Ông thống nhất với kết quả đo đạc theo Mẫu trích đo địa chính số 19-2022 và số 18-2022 do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 lập ngày 11 tháng 02 năm 2022, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C ký duyệt ngày 24 tháng 02 năm 2022.

- Ông thống nhất với giá trị tài sản tranh chấp theo Chứng thư thẩm định giá số 89/22/04/2022/TĐGLA-BDS ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Công ty cổ phần T1 xác định.

- Về nợ chung: Trong quá trình chung sống ông và bà D1 không có nợ chung.

- Về tài sản chung:

+ 01 căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng khoảng 69,0m², xây tường, lợp tol, lát gạch, trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5, do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất này do cha ruột của ông là ông Lại Tứ X cho riêng theo hợp đồng ngày 18 tháng 11 năm 2003) xây dựng nhà năm 2001, nhà

lúc xây dựng có giá trị: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); giá trị 106.873.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

+ 01 chiếc xe Airblade biển số 62K1-02214 do ông đứng tên trong giấy đăng ký sở hữu, giá trị tại thời điểm mua năm 2011 là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); giá trị là 11.300.000 đồng (mười một triệu ba trăm nghìn đồng).

+ 01 chiếc xe Cup 50 đời 81, biển số 62FB-1905 giá trị thời điểm mua năm 2009 là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); giá trị là 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

+ 01 Tivi hiệu Sony 55 in giá trị lúc mua năm 2019 là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng); giá trị là 8.310.000 đồng (tám triệu ba trăm mười nghìn đồng).

+ 01 bộ bàn ghế salon (ghế trường kỷ) trị giá lúc mua năm 2010 là 10.500.000đ (mười triệu năm trăm nghìn đồng); giá trị là 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ 01 máy giặt hiệu Panasonic, loại 8kg, giá trị lúc mua năm 2015 là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); giá trị là 2.295.000đ (hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

+ 02 chiếc giường ngủ gỗ đỏ (giường ngủ 1 và giường ngủ 2) giá trị lúc mua là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), một chiếc năm 2008, lúc mua giá 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và một chiếc mua năm 2015 với giá là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); giá trị, giường ngủ 1 giá trị là 3.735.000 đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và giường ngủ 2 là 4.150.000 đồng (bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ 01 bếp ga hiệu Electrolux và 03 bình ga, giá trị lúc mua là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), mua năm 2015; giá trị 1.974.000 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Vỏ bình ga (3 cái) có giá trị là 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Van ga (3 cái) giá trị là 354.000 đồng (ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Dây dẫn ga (3 cái) có giá trị là 178.000 đồng (một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

+ 01 tủ quần áo giá trị lúc mua là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng), mua năm 2016; giá trị là 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ 02 bàn Inox giá trị lúc mua 1.000.000 đồng (một triệu đồng), mua năm 2015; giá trị là 864.000 đồng (tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

+ 20 ghế inox, giá trị là 1.668.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

+ 7 cái ghế nhựa, giá trị là 154.000 đồng (một trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

+ 03 tấm bạt che nắng (mái hiên + tấm bạt) có diện tích là 48m², giá trị lúc mua 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), mua năm 2019; giá trị 3.168.000 đồng (ba triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

+ Đóng tiền nước sạch 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), trên căn nhà tại thửa đất số 388, tờ bản đồ số 21, toạ lạc xã V, huyện C; đây là tiền chung của vợ chồng, nay thửa đất này là tài sản của bà D1 nhưng chưa hoàn trả số tiền nêu trên.

+ 01 chiếc xe Future biển số 62K1-25695 giá trị tại thời điểm mua năm 2017 là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng) do bà D1 đứng tên trong giấy sở hữu; Giá trị 18.500.000 đồng (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ông D yêu cầu được nhận tài sản chung bằng hiện vật bao gồm:

+ 01 căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 69,0m², xây tường lợp tol, lát gạch, trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5, do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất này do cha ruột của ông là ông Lại Tứ X cho riêng ông) xây dựng năm 2001, có giá trị nhà lúc xây dựng: 20.000.000 đồng; giá trị 106.873.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

+ 01 chiếc xe Airblade biển số 62K1-02214 do ông đứng tên trong giấy đăng ký sở hữu, giá trị tại thời điểm mua năm 2011 là 40.000.000 đồng; giá trị là 11.300.000 đồng (mười một triệu ba trăm nghìn đồng).

+ 01 chiếc xe Cup 50 đời 81, biển số 62FB-1905 giá trị thời điểm mua năm 2009 là 5.000.000 đồng; giá trị hiện nay là 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị các tài sản ông yêu cầu nhận có giá trị là 124.473.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Các tài sản ông yêu cầu nhận, hiện nay ông đang quản lý, sử dụng.

- Ông D yêu cầu giao cho bà D1 các tài sản gồm:

+ 01 Tivi hiệu Sony 55 in giá trị lúc mua là 22.000.000 đồng, mua năm 2019; giá trị hiện nay là 8.310.000 đồng (tám triệu ba trăm mười nghìn đồng).

+ 01 bộ bàn ghế salon (ghế trường kỷ) trị giá lúc mua là 10.500.000 đồng, mua năm 2010; giá trị hiện nay là 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ 01 máy giặt hiệu Panasonic, loại 8kg, giá trị lúc mua là 5.000.000 đồng, mua năm 2015; giá trị là 2.295.000 đồng (hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

+ 02 chiếc giường ngủ gỗ đỏ (giường ngủ 1 và giường ngủ 2) giá trị lúc mua là 15.000.000 đồng, một chiếc năm 2008, lúc mua giá 7.500.000 đồng và một chiếc mua năm 2015 với giá là 7.500.000 đồng; giá trị, giường ngủ 1 giá trị là 3.735.000 đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và giường ngủ 2 là 4.150.000 đồng (bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ 01 bếp ga hiệu Electrolux và 03 bình ga, giá trị lúc mua là 5.000.000 đồng, mua năm 2015; giá trị 1.974.000 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Vỏ bình ga (3 cái) có giá trị là 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Van ga (3 cái) giá trị là 354.000 đồng (ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Dây dẫn ga (3 cái) có giá trị là 178.000 đồng (một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

+ 01 tủ quần áo giá trị lúc mua là 3.500.000 đồng, mua năm 2016; giá trị là 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ 02 bộ bàn Inox giá trị lúc mua 1.000.000 đồng, mua năm 2015; giá trị là 864.000 đồng (tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

+ 20 ghế inox, giá trị là 1.668.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

+ 7 cái ghế nhựa, giá trị là 154.000 đồng (một trăm năm mươi bốn nghìn đồng)

+ 03 tấm bạt che nắng (mái hiên + tấm bạt) có diện tích là 48m², giá trị lúc mua 8.000.000 đồng, mua năm 2019, Giá trị 3.168.000 đồng (ba triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

+ Đóng tiền nước sạch 3.000.000 đồng, trên căn nhà tại thửa đất số 388, tờ bản đồ số 21, tại xã V, huyện C; đây là tiền chung của vợ chồng, nay thửa đất này là tài sản của bà D1 nhưng chưa hoàn trả số tiền nêu trên.

+ 01 chiếc xe Future biển số 62K1-25695 giá trị tại thời điểm mua năm 2017 là 32.000.000 đồng do bà D1 đứng tên trong giấy sở hữu. Giá trị 18.500.000 đồng (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Các tài sản này có tổng giá trị lúc mua là 47.775.000 đồng (bốn mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Hiện nay bà D1 đang quản lý, sử dụng. Ông và bà D1 mỗi người được hưởng là 86.124.000 đồng (tám mươi sáu triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng), phần chênh lệch, ông hoàn trả cho bà D1 là 38.349.000 đồng (ba mươi tám triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Đối với thửa đất số 209 và thửa đất 210, cùng tờ bản đồ 22, tọa lạc tại xã V, huyện C là di sản thừa kế của cha ruột của ông là ông Lại Tứ X để lại cho ông; Thanh long trồng trên 02 thửa đất này là của ông Lại Thanh B và vợ là bà Đỗ Thị Ngọc B1. Còn thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc xã V, huyện C, tỉnh Long An là do ông Lại Tứ X tặng cho riêng ông. Ba thửa đất nêu trên hiện nay ông đang quản lý, sử dụng.

- Không có hợp gia đình mỗi cặp vợ chồng là con trai thì bỏ ra 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để cho bà T sửa nhà như bà D1 trình bày.

- Trước khi cưới bà D1 thì ông D không có tiền để sau khi cưới bà D1 về thì ông cho bà đi học, ông cũng không kêu bà D1 đưa tiền cho bà T để bà T đưa cho miếng đất.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 02/4/2021 và ngày 26/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 trình bày:

Bà và ông Lại Thanh D chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Long An chung sống hạnh phúc khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Bà đồng ý ly hôn với ông Lại Thanh D.

Về con chung: Hôn nhân giữa bà và ông D có hai người con chung có tên là Lại Anh H, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2000, đã trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân và Lại Minh N, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2006, hiện

con do ông D đang nuôi dưỡng. Bà đồng ý giao người con chung có tên là Lại Minh N, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2006 cho ông D nuôi dưỡng.

Nghề nghiệp hiện nay của bà mua bán, thu thập bình quân mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Bà thống nhất với kết quả đo đạc theo Mẫu trích đo địa chính số 19-2022 và số 18-2022 do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 lập ngày 11 tháng 02 năm 2022, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C ký duyệt ngày 24 tháng 02 năm 2022.

Bà thống nhất với giá trị tài sản tranh chấp theo Chứng thư thẩm định giá số 89/22/04/2022/TĐGLA-BDS ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Công ty cổ phần T1 xác định.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống bà và ông D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

+ 01 căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 69,0m², xây tường, lợp tol, lát gạch, trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5, do ông D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng nhà năm 2001, có giá trị nhà lúc xây dựng: 20.000.000 đồng; Giá trị 106.873.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

+ 01 chiếc xe Airblade biển số 62K1-02214 do ông D đứng tên trong giấy đăng ký sở hữu, giá trị tại thời điểm mua năm 2011 là 40.000.000 đồng; giá trị là 11.300.000 đồng (mười một triệu ba trăm nghìn đồng).

+ 01 chiếc xe Cup 50 đời 81, biển số 62FB-1905 giá trị thời điểm mua năm 2009 là 5.000.000 đồng; Giá trị hiện nay là 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

+ 01 Tivi hiệu Sony 55 in giá trị lúc mua là 22.000.000 đồng mua năm 2019; giá trị hiện nay là 8.310.000 đồng (tám triệu ba trăm mười nghìn đồng).

+ 01 bộ bàn ghế salon (ghế trường kỷ) trị giá lúc mua là 10.500.000 đồng, mua năm 2010; giá trị hiện nay là 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ 01 máy giặt hiệu Panasonic, loại 8kg, giá trị lúc mua là 5.000.000 đồng, mua năm 2015; giá trị là 2.295.000 đồng (hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

+ 02 chiếc giường ngủ gỗ đỏ (giường ngủ 1 và giường ngủ 2) giá trị lúc mua là 15.000.000 đồng, một chiếc năm 2008, lúc mua giá 7.500.000 đồng và một chiếc mua năm 2015 với giá là 7.500.000 đồng; Giá trị, giường ngủ 1 giá trị là 3.735.000 đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và giường ngủ 2 là 4.150.000 đồng (bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ 01 bếp ga hiệu Electrolux và 03 bình ga, giá trị lúc mua là 5.000.000 đồng, mua năm 2015; Giá trị 1.974.000 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Vỏ bình ga (3 cái) có giá trị là 525.000đ (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Van ga (3 cái) giá trị là 354.000 đồng (ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

ngàn đồng). Dây dẫn ga (3 cái) có giá trị là 178.000 đồng (một trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

+ 01 tủ quần áo giá trị lúc mua là 3.500.000 đồng, mua năm 2016; giá trị là 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ 02 bàn Inox giá trị lúc mua 1.000.000 đồng, mua năm 2015; giá trị là 864.000 đồng (tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

+ 20 ghế inox, giá trị là 1.668.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

+ 7 cái ghế nhựa, giá trị là 154.000 đồng (một trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

+ 03 tấm bạc che nắng (mái hiên + tấm bạc) có diện tích là 48m², giá trị lúc mua 8.000.000 đồng, mua năm 2019; Giá trị 3.168.000 đồng (ba triệu một trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

+ Đóng tiền nước sạch 3.000.000 đồng, trên căn nhà tại thửa đất số 388, tờ bản đồ số 21, tại xã V, huyện C; đây là tiền chung của vợ chồng, nay thửa đất này là tài sản của bà nhưng chưa hoàn trả số tiền nêu trên.

+ 01 chiếc xe Future biển số 62K1-25695 giá trị tại thời điểm mua năm 2017 là 32.000.000 đồng do bà đứng tên trong giấy sở hữu. Giá trị 18.500.000 đồng (mười tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Đối với yêu cầu của ông D được nhận tài sản chung bằng hiện vật như ông D trình bày, các tài sản ông D xác định bà đang quản lý là đúng, bà đồng ý theo cách ông D phân chia.

Ngoài ra, bà yêu cầu chia giá trị tài sản chung gồm: Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5 và thửa đất số 209, 210, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An.

Bà không yêu cầu chia thanh long trồng trên các thửa đất số 209, 210, tờ bản đồ số 22, bà yêu cầu nhận bằng giá trị. Bà D1 yêu cầu bà và ông D mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản là các thửa đất nêu trên với tổng giá trị là 1.376.174.000 đồng (một tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng), bà và ông D mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị giao cho ông D nhận hiện vật, bà nhận giá trị, ông D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà với số tiền là 688.087.000 đồng (sáu trăm tám mươi tám triệu không trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

Đối với thửa đất số 209, 210, cùng tờ bản đồ 22 là do bà và ông D đã bỏ ra 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để cha mẹ ruột của ông D sửa nhà thì cha mẹ ruột của ông D để lại cho bà và ông D hai thửa đất nêu trên. Khi họp gia đình mỗi cặp vợ chồng là con trai trong gia đình thì bỏ ra 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để cha mẹ ruột của ông D sửa nhà. Họp gia đình chỉ nói bằng lời nói, việc giao nhận tiền không có làm văn bản. Nguồn tiền là do vợ chồng bà vay Ngân hàng.

Trước khi cưới bà, ông D có để phần tiền để sau khi cưới bà về thì cho bà đi học tiếp nhưng sau khi cưới thì bà T không cho bà đi học, bà T kêu đưa cho bà T thì bà T đưa cho miếng đất. Hiện nay là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc xã V, huyện C, tỉnh Long An để xây dựng nhà sinh sống đến năm 2001 thì bà và

ông D cất nhà trên thửa đất số 24. Việc này không có tài liệu chứng cứ, chứng minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Việc bà D1 cho rằng thửa đất số 209, 210, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại xã V là do bà D1 và ông D đã bỏ ra 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để đưa cho bà là không đúng. Bà không nhận tiền của ông D, bà D1 giao cho bà; không có hợp gia đình mỗi cặp vợ chồng là con trai thì bỏ ra 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để cho bà sửa nhà như bà D1 trình bày. Hiện nay do tuổi đã cao, đi lại khó khăn nên không thể tham gia tố tụng trong vụ án vì vậy bà xin vắng mặt khi Tòa án đối chất, hòa giải và xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Thanh B trình bày: Thanh long trên hai thửa đất số 209 và 210 là 66 trụ ruột đỏ do ông D trồng. Sau đó ông D giao cho vợ chồng ông canh tác, hiện nay vợ chồng ông giao hai thửa đất nêu trên cho ông D, ông không có yêu cầu gì. Hiện nay do đi làm không có thời gian tham gia tố tụng trong vụ án vì vậy ông xin vắng mặt khi Tòa án đối chất, hòa giải và xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Ngọc B1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông B, hiện nay do đi làm không có thời gian tham gia tố tụng trong vụ án vì vậy bà xin vắng mặt khi Tòa án đối chất, hòa giải và xét xử.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2023/HNGĐ-ST ngày 02-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, b khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Lại Thanh D về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim D1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lại Thanh D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim D1.

2. Về con chung: Ông Lại Thanh D được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung có tên là Lại Minh N, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2006, hiện nay người con do ông D đang nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Kim D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Lại Minh N, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2006, ông D cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Bà D1 thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bà D1 lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà D1.

Vì lợi ích của người con chung, khi có căn cứ thì ông D, bà D1 hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định

thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì ông D, bà D1 có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung:

3.1. Ông Lại Thanh D được quyền sở hữu đối với các tài sản: 01 căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 69,0m², xây tường lợp tole, lát gạch, trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5; 01 chiếc xe Airblade biển số 62K1-022.14 do ông đứng tên trong giấy đăng ký sở hữu; 01 chiếc xe Cup 50 đời 81, biển số 62FB-1905, tổng giá trị các tài sản là 124.473.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng), hiện nay ông D đang quản lý, sử dụng.

3.2. Ông Lại Thanh D được quyền sử dụng đất đối thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An, có giá trị là 990.668.400 đồng (chín trăm chín mươi triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm đồng), hiện ông D đang quản lý, (kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 19 -2022 do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 lập ngày 11 tháng 02 năm 2022 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C ký duyệt ngày 24 tháng 02 năm 2022).

3.3. Bà Nguyễn Thị Kim D1 được quyền sở hữu các tài sản gồm: 01 Tivi hiệu Sony 55 inch; 01 bộ bàn ghế salon (ghế trường kỷ); 01 máy giặt hiệu Panasonic, loại 8kg; 02 chiếc giường ngủ gỗ đỏ; 01 bếp ga hiệu Electrolux và 03 bình ga, van ga (3 cái) dây dẫn ga (3 cái); 01 tủ quần áo; 02 bộ bàn Inox, 20 ghế inox, 07 cái ghế nhựa; 03 tấm bạt che nắng (mái hiên + tấm bạt) có diện tích là 48 m²; tiền nước sạch 3.000.000 đồng; 01 chiếc xe Future biển số 62K1-25695, tổng giá trị các tài sản là 55.375.000 đồng (năm mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), hiện nay bà D1 đang quản lý, sử dụng.

3.4. Ông Lại Thanh D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim D1 tổng số tiền chia tài sản chung là 364.771.300 đồng (ba trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả các số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim D1 về việc chia thừa đất số 209, 210, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với số tiền 32.360.000 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ông Lại Thanh D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá, tổng số tiền là 12.933.333 đồng (mười hai triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với tổng số tiền là 19.426.667 đồng (mười chín triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim D1 đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá với số tiền là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng), ông Lại Thanh D đã nộp 16.360.0000 đồng (mười sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn

đồng) nên buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 nghĩa vụ hoàn trả ông Lại Thanh D số tiền do là 3.426.667 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

6. Về án phí:

Ông Lại Thanh D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông D đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000837 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm.

Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 34.014.804 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm mười bốn nghìn tám trăm tám lẻ bốn đồng), ông D đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 2.125.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000838 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm, ông D có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền án phí là 31.889.804 đồng (ba mươi một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn tám trăm lẻ bốn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 20.805.892 đồng (hai mươi triệu tám trăm lẻ năm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng), bà D1 đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 6.386.900 đồng (sáu triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0000940 ngày 02 tháng 4 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An và 3.116.550 đồng (ba triệu một trăm mười sáu nghìn năm trăm năm mươi đồng), theo biên lai thu tiền số 0000760 ngày 26 tháng 5 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm, bà D1 có nghĩa vụ tiếp tục nộp tiền án phí với số tiền là 11.302.442 đồng (mười một triệu ba trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09/6/2023, ông Lại Thanh D kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do: không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm vì bản án quyết định ông phải chia cho bà D1 1/3 giá trị thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An, vì thực tế thửa đất này ông được cha cho tặng riêng con ruột trong thời kỳ chung sống với bà D1; không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về án phí chi phí thẩm định giá, đo đạc.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ kiện, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim D1 về việc chia tài sản chung đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An; đồng thời tính lại về án phí chi phí thẩm định giá đo đạc cho phù hợp.

Ngày 04/7/2023, ông Lại Thanh D tiếp tục kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do: Về tài sản chung mà hai bên đồng ý chia đôi, tổng giá trị 179.840.000 đồng, chia đôi mỗi bên nhận 89.924.500 đồng. Ông yêu cầu mỗi bên chịu 50% chi phí

đo đạc, định giá, xem xét tại chỗ, án phí; Đối với thửa đất 209, 210, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An, do yêu cầu bà D1 không được chấp nhận nên bà D1 chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá, xem xét tại chỗ, án phí; Đối với thửa đất 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An theo phán quyết của bản án sơ thẩm ông hưởng 2/3 giá trị và bà D1 nhận chia 1/3 giá trị thì chi phí đo đạc, định giá, xem xét tại chỗ, án phí mỗi bên chịu tương ứng chi phí.

Ngày 14/6/2023, bà Nguyễn Thị Kim D1 kháng cáo bản án sơ thẩm và yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết: Chia cho bà bằng tiền giá trị 1/2 thửa đất số 24, tờ bản đồ số 05, diện tích 157,8m², loại đất ONT, tọa lạc tại: ấp A, xã V, huyện C, tỉnh Long An. Xem xét công sức đóng góp của bà vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản là 02 thửa đất số 209, 210, tờ bản đồ số 22, loại đất ONT, tọa lạc ấp A, xã V, huyện C, Long An.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo, bị đơn không rút yêu cầu phản tố, không rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Luật sư Trần Văn C bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Lại Thanh Danh tranh luận: Mặc dù vợ chồng ông D, bà D1 cất nhà ở trên thửa đất số 24 nêu trên từ năm 2001 nhưng không làm thủ tục sang tên để ông D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Lại Tứ X thực hiện hợp đồng tặng cho riêng ông D phần đất này, không phải cho chung cả hai vợ chồng ông D, bà D1. Do đó, không có căn cứ để xác định đây là tài sản mà là tài sản riêng của ông D, việc Toà án sơ thẩm chia cho bà D1 1/3 giá trị thửa đất số 24 là không phù hợp; đồng thời bà D1 kháng cáo yêu cầu chia 1/2 giá trị là không có cơ sở. Hơn nữa, việc vay vốn Ngân hàng trong đó có bà D1 ký tên không phải là căn cứ để xác lập tài sản chung.

Đối với thửa đất số 209, 210 là do ông D nhận thừa kế từ cha ông D để lại. Việc bà D1, ông D sử dụng 2 thửa đất này trồng cây thanh long đã kết thúc từ năm 2016 khi bán toàn bộ thanh long trên đất cho ông B, bà B1. Bà D1 không có chứng cứ gì chứng minh có công sức đóng góp vào 02 thửa đất này nên yêu cầu chia phần công sức đóng góp là không có cơ sở.

- Ông Lại Thanh D không tranh luận bổ sung.

- Luật sư Vũ Khắc Đ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị Kim D1 tranh luận: Ông D, bà D1 cất nhà ở trên thửa đất số 24 nêu trên từ lúc ra ở riêng (năm 2001), lúc đó ông X, bà T (cha mẹ chồng) đã đồng ý cho hai vợ chồng ông D, bà D1 phần đất này. Ông D cũng thừa nhận thửa đất số 24 là tài sản chung khi đi làm thủ tục sang tên từ ông X thì làm theo thủ tục cha tặng cho con để né thuế. Đối với đất đai thì quyền sử dụng đất được xác lập từ khi nhận đất nên mặc dù làm thủ tục sang tên ông D vào năm 2003 nhưng đã được cho và nhận đất từ năm 2001. Bên cạnh đó, khi lập hợp đồng thế chấp vay vốn đến 03 lần thì ông D đều kêu bà D1 ký tên vào hợp đồng thế chấp thể hiện đây là tài sản chung, nếu là tài sản riêng của ông D thì ông D có quyền tự thế chấp không cần phải có chữ ký của bà D1.

Đối với thửa đất số 209, 210 thì bà D1 đã trồng thanh long từ năm 2013. Vợ chồng bà D1, ông D có đưa cho bà T số tiền 5.000.000 đồng mới được cho 2 thửa đất này. Việc sử dụng 2 thửa đất này là khi ông X còn sống nên có cơ sở khẳng định ông X, bà T đã cho bà D1, ông D rồi. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bà D1 hiện không có nghề nghiệp, chỉ đang buôn bán nhỏ mỗi người thu nhập khoảng 100.000 đồng, không có nhà ở. Căn nhà mà ông D xuất trình hình ảnh tại phiên tòa là nhà của em gái bà D1, không phải nhà bà D1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà D1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo của hai bên đương sự hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Tài sản là quyền sử dụng đất tại các thửa đất 24 tờ bản đồ số 5 và thửa đất số 209, 210 cùng tờ bản đồ 22, tất cả cùng tọa lạc tại xã V đều do ông Lại Thanh D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó, thửa số 24 do ông Lại Tứ X tặng cho riêng ông D theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/11/2003 với nội dung “cha cho con ruột”, còn các thửa số 209, 210 là do ông D được hưởng thừa kế riêng từ ông Lại Tứ X theo Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 26/9/2018 nên có cơ sở xác định đây là tài sản riêng của ông D. Do giữa ông D với bà D1 cũng không có bất kỳ văn bản thỏa thuận nào để nhập tài sản riêng của ông D vào tài sản chung của vợ chồng nên căn cứ theo quy định tại Điều 43, 46, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quyền sử dụng đất tại các thửa đất 24, 209, 210 nêu trên vẫn là tài sản riêng của ông D.

Về xem xét công sức đóng góp: Đối với các thửa 209, 210 bà D1 không đưa ra chứng cứ chứng minh công sức đóng góp nên không có cơ sở chấp nhận. Riêng thửa đất 24 mặc dù là tài sản riêng của ông D nhưng trong quá trình sử dụng đất ông D và bà D1 cùng quản lý sử dụng và cất nhà ở trên đất nên bà D1 cũng có công sức đóng góp trong việc tôn tạo, duy trì và phát triển tài sản trên đất nên cần xem xét một phần công sức cho bà D1 bằng 1/3 giá trị thửa đất số 24 là hợp lý. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất tại thửa số 24 là tài sản chung của ông D và bà D1 là không đúng quy định pháp luật, tuy nhiên việc chia cho bà D1 được hưởng 1/3 giá trị thửa đất số 24 là hoàn toàn phù hợp với công sức đóng góp của bà D1.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá và án phí được giải quyết như bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông D, bà D1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Lại Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim D1 kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bà Nguyễn Thị T, ông Lại Thanh B, bà Đỗ Thị Ngọc B1 đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà T, ông B và bà B1.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Giấy chứng kết hôn số 01, quyển 01, ngày 29/01/1998 thì ông Lại Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim D1 là vợ chồng hợp pháp; có thời kỳ hôn nhân từ năm 1998 đến ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

[2.1] Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã V ngày 18/11/2003 thể hiện ông Lại Tứ X “cha cho con ruột” ông Lại Thanh D phần đất có diện tích 155m² thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 5, loại đất thổ, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 054888 ngày 05/01/2004 cho ông D đứng tên đối với thửa đất trên. Sau đó, ông ông D thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 661587 ngày 01/11/2010 cho ông D đứng tên đối với thửa đất 24, tờ bản đồ số 05, diện tích 157,8m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An.

[2.2] Thửa đất số 24 nêu trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông D và bà D1 nhưng trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên thể hiện nội dung “cha cho con ruột”, tức là ông X tặng cho riêng ông D, không phải tặng cho chung vợ chồng ông D, bà D1. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “*Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân...*” thì đây là tài sản riêng của ông D, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 24 là tài sản chung là không chính xác. Bà D1 cùng Luật sư Đ cho rằng thửa đất số 24 nêu trên là tài sản chung do ông D, bà D1 cất nhà ở trên đất từ năm 2001 là không có cơ sở vì không xuất trình được tài liệu chứng minh tại thời điểm năm 2001 ông X, bà T lập hoàn tất thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông D, bà D1.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D cũng thừa nhận rằng vợ chồng đã cất nhà ở trên phần đất này từ trước khi được ông X thực hiện thủ tục tặng cho riêng ông. Vì vậy, trong quá trình sinh sống, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tạo lập tài sản chung để nuôi sống gia đình trên 20 năm thì bà D1 có phần công sức đóng góp, tôn tạo, làm tăng giá trị đất từ đó cho đến nay nên cần

chia cho bà D1 30% giá trị bằng tiền của thửa 24 nêu trên là hoàn toàn phù hợp; không chấp nhận chia $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất theo yêu cầu của bà D1.

[2.4] Theo Văn bản phân chia di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã V ngày 26/9/2018 thể hiện ông Lại Thanh D được chia thừa kế một phần thửa đất số 83, diện tích 323,5m² và một phần thửa đất số 84, diện tích 143,1m², cùng tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An. Từ đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 304802 và số CP 304803 ngày 24/10/2018 cho ông D đứng tên đối với thửa đất 209, diện tích 323,5m², loại đất trồng cây hàng năm khác và thửa đất 210, diện tích 143,1m², loại đất ở tại nông thôn, cùng tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An. Trên cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì thửa đất số 209, 210 là tài sản riêng của ông D. Bà D1 cho rằng vợ chồng có đóng góp 5.000.000 đồng cho bà T (mẹ ruột ông D) mới có được phần đất trên nhưng không được bà T thừa nhận; đồng thời bà D1 cũng không xuất trình được tài liệu nào chứng minh cho vấn đề này nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Bà D1 yêu cầu được hưởng phần công sức đóng đối với thửa đất số 209, 210 nêu trên nhưng không chứng minh được phần đóng góp của bà trong khi không trực tiếp canh tác hay cải tạo đất, trong khi bà D1 thừa nhận tại phiên toà phúc thẩm rằng vợ chồng bà D1 đã bán toàn thanh long trên đất cho vợ chồng ông B, bà B1 vào năm 2016. Hơn nữa, hai thửa đất trên ông D mới nhận thừa kế vào tháng 9 năm 2018 thì đến tháng 01 năm 2021 thì ông D có yêu cầu ly hôn với bà D1. Do đó, công sức đóng góp của D1 vào thửa đất số 209, 210 nêu trên là không có, không làm tăng giá trị đất nên yêu cầu này của bà D1 không được chấp nhận.

[2.6] Về chi phí tố tụng: Tại khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự có quy định “*Trường hợp yêu cầu Tòa án chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ và đã xem xét quyết định buộc ông D, bà D1 phải chịu chi phí tương ứng với tỷ lệ tài sản được hưởng và yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 157, 158, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, kháng cáo của ông D về phần này là không có cơ sở chấp nhận.

Từ đó thấy rằng, kháng cáo của ông Lại Thanh D cùng lời bảo vệ của Luật sư C và kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim D1 cùng lời bảo vệ của Luật sư Đ là không có cơ sở chấp nhận; lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lại Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim D1 đều phải chịu theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lại Thanh D.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim D1.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2023/HNGĐ-ST ngày 02-6-2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, 157, 158, 165, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của ông Lại Thanh D về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim D1.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lại Thanh D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim D1.

[1.2] Về con chung: Ông Lại Thanh D được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung có tên là Lại Minh N, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2006, hiện nay người con do ông D đang nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Kim D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Lại Minh N, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2006, ông D cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Bà D1 thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bà D1 lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà D1.

Vì lợi ích của người con chung, khi có căn cứ thì ông D, bà D1 hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì ông D, bà D1 có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[1.3] Về tài sản chung:

[1.3.1] Ông Lại Thanh D được quyền sở hữu đối với các tài sản: 01 căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 69,0m², xây tường lợp tole, lát gạch, trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5; 01 chiếc xe Airblade biển số 62K1-022.14 do ông đứng tên trong giấy đăng ký sở hữu; 01 chiếc xe Cup 50 đời 81, biển số 62FB-1905, tổng giá trị các tài sản là 124.473.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng), hiện nay ông D đang quản lý, sử dụng.

[1.3.2] Ông Lại Thanh D được quyền sử dụng đất đối thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An, có giá trị là 990.668.400 đồng

(chín trăm chín mươi triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm đồng), hiện ông D đang quản lý, (kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 19 -2022 do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 lập ngày 11 tháng 02 năm 2022 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C ký duyệt ngày 24 tháng 02 năm 2022).

[1.3.3] Bà Nguyễn Thị Kim D1 được quyền sở hữu các tài sản gồm: 01 Tivi hiệu Sony 55 inch; 01 bộ bàn ghế salon (ghế trường kỷ); 01 máy giặt hiệu Panasonic, loại 8kg; 02 chiếc giường ngủ gỗ đỏ; 01 bếp ga hiệu Electrolux và 03 bình ga, van ga (3 cái) dây dẫn ga (3 cái); 01 tủ quần áo; 02 bộ bàn Inox, 20 ghế inox, 07 cái ghế nhựa; 03 tấm bạc che nắng (mái hiên + tấm bạc) có diện tích là 48 m²; tiền nước sạch 3.000.000 đồng; 01 chiếc xe Future biển số 62K1-25695, tổng giá trị các tài sản là 55.375.000 đồng (năm mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), hiện nay bà D1 đang quản lý, sử dụng.

[1.3.4] Ông Lại Thanh D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim D1 tổng số tiền chia tài sản chung là 364.771.300 đồng (ba trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả các số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim D1 về việc chia thừa đất số 209, 210, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Long An.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với số tiền 32.360.000 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

[3.1] Ông Lại Thanh D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá, tổng số tiền là 12.933.333 đồng (mười hai triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với tổng số tiền là 19.426.667 đồng (mười chín triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

[3.2] Bà Nguyễn Thị Kim D1 đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá với số tiền là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng), ông Lại Thanh D đã nộp 16.360.0000 đồng (mười sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) nên buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 nghĩa vụ hoàn trả ông Lại Thanh D số tiền do là 3.426.667 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm:

[4.1] Buộc ông Lại Thanh D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông D đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000837 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm.

Buộc ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 34.014.804 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm mười bốn nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng), ông

D đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 2.125.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000838 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm, ông D có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền án phí là 31.889.804 đồng (ba mươi một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn tám trăm lẻ bốn đồng).

[4.2] Buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 20.805.892 đồng (hai mươi triệu tám trăm lẻ năm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng), bà D1 đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 6.386.900 đồng (sáu triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0000940 ngày 02 tháng 4 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An và 3.116.550 đồng (ba triệu một trăm mười sáu nghìn năm trăm năm mươi đồng), theo biên lai thu tiền số 0000760 ngày 26 tháng 5 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm, bà D1 có nghĩa vụ tiếp tục nộp tiền án phí với số tiền là 11.302.442 đồng (mười một triệu ba trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

[5] Về án phí phúc thẩm:

[5.1] Buộc ông Lại Thanh D phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà ông D đã tạm ứng theo biên lai thu số 0003461 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

[5.2] Buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà bà D1 đã tạm ứng theo biên lai thu số 0003442 ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

[6] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh

